

UỐNG T. KỎI

TRITAN

TAP CHÍ

新報
新報

TRI-TÂN TẠP-CHÍ RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 199

Phép quân dân của nước ta	Nguyễn-văn-Tổ
Ta phải chống lại lời tuyên truyền của bọn thực dân (I)	Vũ bội Liệu
Tòy hứng	Trần huy Bá Ngân Giang
Hạnh thực ca (VI)	Ứng-hồe
Nền học mới Việt-nam	Hoàng kim Lung
Một vị danh thần triều Nguyễn (II)	Trúc-Khê
Vua Minh mệnh và Trịnh hoài Đức	Long Điền
Góp vui	C. N.

GIÁ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancelme — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-dắt — Hải-phòng
Vũ-ngọ Cù 40, phố Đông-khâu — Hải-duong

GIỚI THIỆU

1) *Tương lai kinh tế Việt nam* của Nguyễn huệ Minh — Bản Thuyết xuất bản — giá 4\$00

2) *Gương ải quốc công giáo* — của Thanh niên từng thư Nam Định giá 3\$50.

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu
cùng các bạn đọc. T. T.

Kính cáo CÁC ĐẠI LÝ MIỀN TRUNG VÀ MIỀN NAM

Vì đường giao thông chưa được như xưa, xin các Đại lý miền Nam gửi trả tiền báo hàng tháng cho Bản-chỉ bằng ngân phiếu tức hành (mandat-télégraphique) vì nếu gửi ngân phiếu thường thì phải hai ba tháng mới tới nơi.

T. T.

LỊCH VIỆT-NAM

năm Bình-tuất (1946-47)

Có những ngày Lịch - sử
Ai mua xin đặt tiền trước

in có hạn

giá : 12 \$ 00

LONG-ĐIỀN biên-lập

TRI-TÂN phát-hành

PHEP QUẢN-ĐIỀN CỦA NƯỚC TA

Ung hộc NGUYỄN-VAN-TỬ

Ở số *Tri tân* vừa rồi, (số 197, tr. 14-15) ông Vinh-phong Nguyễn Toại nói « phương-sách quản-diền... xuất-hiện trước nhất ở nước ta từ năm 1839 » (1). Xem sách nhỏ, thì phép quản-diền bắt đầu có từ cuối đời Trần (1397), đến đời Lê (1428) luật-lệ đã gần đủ. Tôi lấy sử chữ nho, thấy đoạn nào nói về điền-thổ, và lời bàn của tiên nho, dẫn ở dưới này, gọi là gộp một ít tài-liệu vào vấn-đề quản-diền ở nước ta.

Về đời Trần, các nhà tông-thất thường sai nô tỳ ra đắp đê đắp đập ở các nơi bãi bồi để chắn nước mặn, độ hai, ba năm khai khẩn thành ruộng, lập làm tư-trang (trại riêng). Đến tháng 6 năm thứ 10 hiệu Quang-thái (1397), vua Trần Thuận-tông ban chiếu, lập phép hạn ruộng, duy đại-vương và trưởng công-chúa thì ruộng không có hạn, còn thứ-dân thì không được quá 10 mẫu, nếu thừa thì sung công. Các người có tội được lấy ruộng chuộc tội, người bị tội đi đày hoặc tội truất cũng được chuộc. (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, q. 11, tờ 39 b).

Qua năm sau (1398) có lệnh người dân nào có ruộng phải khai rõ, rồi bêu họ và tên cắm ở trên ruộng, các quan lộ, phủ, châu, huyện, hội đồng khám đạc, làm sổ, năm nào thành ruộng, người nào không khai thì bị lấy làm ruộng công. Lúc bấy giờ có chức hành-khiển là Hà-đức-Lân nói vụng với người nhà rằng :

« Đặt ra phép ấy để cướp ruộng của dân ». Hồ-quý-Ly nghe tiếng giáng Hà-đức-Lân làm bộ hồ-thượng-thư (*K. đ. q. 11*, tờ 33 a và b).

Xem như thế, thì đời Trần đã có công điền rồi, nhưng không thấy sách chép ruộng công ấy có chia cho dân không? Nên Phan-huy-Chú có bài

bàn về phép điền-thổ nhà Trần như sau này : « Xét phép điền-trù (ruộng đất) từ đời tam đại (Hạ, Thương, Chu đến Tần) về sau, kỹ-cương đồ nát, trăm họ (dân) tự lẫn uớp của nhau. Tự nhiên lấy tất cả ra mà chia đều, rất là khó. Nước ta từ Lý, Trần về trước, đại khái cũng tùy số ruộng của dân mà đánh thuế nhiều hay ít, không thể đều nhau được, chính là vì dinh-thế khó làm — Quý Ly là một ếm thoán-nguyệt, động việc gì cũng muốn bắt chước đời xưa việc làm vụn-vật mà phiên-pứ, y như Vương-Mãng (cũng là một tên cướp ngôi nhà Hán). Cái phép hạn ruộng đời bấy giờ, cũng chỉ là hư-danh, thật không ích gì cho người nghèo, mà bởi được việc xâm đoạt. Huống chi hạn chế số ruộng lại chỉ thi-hành với thứ-dân, mà không thi-hành với Vương, Công, tước làm thế nào mà lấp uớp cái ngôi lẫn cướp, mà cho dân được lợi đều nhau » (*Lịch triều hiến chương, sách vết trờng Bắc. đ. số A 50, q. Quốc dụng chí*, trang 56)

Như vậy thì các vua đời xưa đã có lòng thương dân, mới lập phép cho dân có ruộng cấy cấy, mà no đủ, nhưng thời nào cũng vậy, luật pháp đặt ra thì hay, mà người đứng đầu để thi hành, không có thật-tâm, nên không mấy khi thành ra phép hay. Phan-huy-Chú mới có lời bàn như trên này : Và lại người đứng đầu lập ra phép điền-thổ bấy giờ, lại là Hồ quý Ly.

Đến đời Lê thì việc quản cấp công-diền đã có quy-mô khá hẳn. *Lịch-triều Hiến-chương* (A 50, *Quốc dụng chí*, tr. 57) chép rằng ; « Khi Lê Thái-

1) Theo sách Alfred Schreiner *Les institutions annamites en Basse-Cochinchine* (q. II, tr. 36), thì phép quản-diền đã thi-hành ở Gia định từ năm 1832-1833.

Võ đã đẹp yên thiên hạ, bàn định phép quân-diễn. Năm 1429, xuống chiếu các quan phủ, huyện, đều đi khám những ruộng, đất, đầm, bãi của công hay của tư, làm thành sổ sách, và sắc các đại thần bàn định số ruộng, để cấp cho quan, lính và dân, kẻ thì đại-thần trở xuống đến người già-yếu cô quả (mồ côi cha gọi là cô, góa chồng gọi là quả) đều có tể tự khác nhau. Lại truyền rằng : phủ, huyện, xã nào ruộng đất nhiều, nhân dân ít, mà bỏ hoang, thì cho quan bản-hạt và người xã khác không ruộng được cấy giống, điền chủ xã ấy không được chiếm cứ để bỏ hoang. Nếu người nào trái lệnh sẽ theo luật cường-chiếm tội tội ».

Vua Tự-đức phê về việc ấy rằng : « Cái quy mô gây dựng cơ đồ, tuy chưa đến được văn hiến, nhưng đã dần dần đời được lâu-tập của Lý, Trần ; nhiều việc khả quan, vận nhà Lê được lâu bền, cũng có lẽ » (K. đ., q. 15, tờ 17 b và 18 a).

Tiếp là gay khi Lê Thái-tổ mới đuổi được người Minh ra khỏi bờ cõi, đã nghĩ đến việc của dân nghèo. Đến đời Lê Thánh-tông thì quy-mô lại càng rõ-rệt, vì ngài đã làm phiên-thần lên ngôi thứ ba lên tính của dân gian. Tháng 12 năm Đinh-dậu (1477), ngài định lệ rằng : « ... Phàm công-diền ở các xã dân, cứ sáu năm các quan phủ huyện, châu phải kiểm xét đặc lại một lần, chia làm ba bậc. Theo số quan, số lính, số dân tăng với số ruộng nhiều hay ít, rồi phân hạng mà quân cấp, ruộng nhiều thì mỗi phần kẻ trong mẫu, ruộng ít thì mỗi phần kẻ trong sào từng thước... » (K. đ., q. 23, tờ 20 a và b).

Qua năm tân-sửu (1481) ban chiếu lập đồn điền. Chiếu rằng : « Đặt ra đồn điền là để kết tụ người làm ruộng mà ruộng kho chứa trong nước, sai các xứ đồn điền định làm ba bậc : hương, trung, hạ » Trong *Thiên nam dư-hạ* (148) có chép rõ 43 sở đồn điền (khắp trong nước bấy giờ), mỗi sở đều đặt một chức chánh-sứ và phó-sứ (K. đ., q. 23, tờ 26 a và b).

Hai việc trên này *Lịch-triều hiến chương* có dẫn, nhưng chép sai năm hết cả.

Đến tháng 11 năm thứ 18 hiệu Hồng-đức (1485), Vua Lê Thánh-tông sắc các quan phủ huyện rằng : « Vào khoảng mùa nông thong thả, chiếu bờ cõi trong sở điền, bắt nhân-dân chỉ dẫn ruộng công và ruộng thế-nghiệp, xây riêng giới mốc để làm cái nêu nhất định lâu dài » (K. đ., q. 24, tờ 3 a và b).

Phan buy Chú có bài bàn rằng : « Xét phép quân điền hồi đầu Lê, không thấy chép rõ mỗi hạng bao nhiêu Nhưng đại-lược những ruộng đem cấp cho dân đều là ruộng công đến như tư điền của dân, thì chưa từng lấy ra quân cấp. Đời Thuận-thiên (1428-1433) thi-hành, luật lệ bấy còn chưa đủ, đến đời Hồng-đức (1470-1497) mới định lệ khám dẫn bờ cõi, để xây giới mốc, nghĩa là làm cho bờ cõi được chuẩn đích mà ngăn ngừa việc lấn cướp tranh giành » (*Lịch-triều hiến-chương*, A 50, *Quốc-dụng-chí*, tr. 58).

Tuy sách chép không lấy gì làm rõ lắm, nhưng cứ xem lời bàn của Phan buy-Chú thì việc quân-diễn hồi đầu nhà Lê, thật là lưỡng lợi : người nghèo được ruộng đất để cấy giống, mà người có tư sản vẫn không bị mất ruộng tư. Như việc quân điền ở Bình-dịnh (xem *Trí-tân* số 197, tr. 14) còn phải lấy ruộng tư của người giàu để cấp cho người nghèo, thì còn khó khăn, chứ như việc quân điền hồi đầu Lê thì lấy những ruộng công của người đã mất để cấp cho người mới đến tuổi, cứ sáu năm quan sở-tại khám đặc rồi tính số người mà chia, rất là đúng lý. Nhưng phàm có lợi thường hay có hại. Cứ như câu « thủy thành chung tể » nghĩa là « trước thành công thì sau sinh tể ».

Cũng vì thế nên hai trăm năm sau, vua Lê Du-Tôn (1705 — 1729) lại phải định lệ quân-cấp công-diền. Vì trong khoảng ấy (sau năm 1485 đến trước năm 1711) việc quân-diễn giao phó

huyện quân cấp, phần nhiều sơ lược, cho nên không đều. Đến năm 1711 Trịnh-Cương cùng phủ-Lêêu bàn định, cứ sáu năm một kỳ, sai quan trung-thủ chia cấp (Lê nhà Lê, mỗi phủ, huyện đều đặt một chức trung thu để trông nom việc thu thuế và khuyến dạy việc nông tang). Ruộng mùa thu, không được quá tháng ba; ruộng mùa hè, không được quá tháng chín, để cho vừa việc làm ruộng; các xã dân có công-diễn phải kê số người, mỗi phần được nhiều thì tính từng mẫu, mỗi phần được ít thì tính từng sào, từ quan viên đến người quan quả, cô độc, tật bệnh, tùy số người mà hieu chia. Người nào có dân-lộc điền-lộc, ruộng mình ruộng vợ, mà những ruộng ấy ngang với phần ruộng quân-phần thì thôi không cấp nữa. Hoặc có ruộng lậu thuế, thì cho cùng với ruộng miễn thuế, đến năm nào gặp kỳ quân cấp sẽ chia. Ruộng công và đất châu thổ không được mua bán (K. đ. q. 35, tờ 8 b).

Phan-huy-Chú có bài bản về việc cấp điền ấy như sau này: « Xét lệ cấp-diễn đời Vĩnh - thịnh (1711, Lê Dụ-tông) đại-lược theo phép cũ của nhà Lê, nhưng điều lệ thông-dụng, cho nên ruộng công của xã nào không vào lệ quân cấp, thì cho tùy ý cùng chi với nhau, chưa hề lấy phép-quan mà bắt chia đều. Nước ta duy có Sơn-nam-hạ (nay Nam-dịnh, Hà-nam) công - điền châu-thổ rất nhiều, lệ quân điền, giá chỉ thi-hành ở xứ ấy là phải, còn ngoài các trấn khác thì công-diễn không mấy, hoặc chỗ nào có, cũng chỉ đủ lương-lưu và ngu-lộc mà thôi, chứ không đủ chia cho các hạng, mà tư-diễn của dân, thì chưa hề lấy phép mới mà thi-hành... » (Lịch-triều k: ch. A 50, Quốc-dụng-chí, tr. 68).

Đến năm thứ nhất hiệ Cảnh-hưng (1740) bàn định việc quân điền, chưa thi-hành mà đã bỏ. Trịnh-Doanh hiểu thấu những việc khó khăn ở dân-gian, bâm-mộ phép tính-diễn, (1) muốn cho giàu nghèo ngang nhau, xâu thuế cũng đều nhau. Các quan đình-thần bàn rằng: « Từ đời tam-dại trở về sau, phép tính-diễn đã bỏ, không kinh sách nào

chép rõ; quốc-triều ta (Lê), các đời trước, cũng không thi hành nổi. Nay số đinh điền trong nước lên xuống không thường, trộm giặc các nơi chưa yên... Nếu chia ra mà khám đạc, chỉ thêm phiền-nhiễm, người nghèo chưa hẳn đã hoàn tập mà người giàu sinh ra nghi ngại. Muốn làm phép ấy, nên đợi thái bình, mới được » (L. tr. h. ch. A 50, Quốc-dụng-chí, tr. 68).

Phan-huy-Chú bàn như sau này: « Xét phép quân-diễn thực khó, những cần nhắc thời - nghi, cũng có cơ-lợi: làm nổi nghĩa là đương khi thái-bình vô sự, mà vội lấy ruộng của người giàu chia đều cho người nghèo được lợi, thì thế nào cũng sinh ra ta oán, rất là khó làm. Nếu đương lúc khai sáng, cái gì cũng thay đổi, sinh-ly đều mới; nhân khi bấy giờ, một phen kinh lý, mà giúp cho người nghèo được no đủ, sửa lại ruộng bờ làng xóm, thế thì người ta theo nài-êu, thế nào cũng làm nổi... » (L. tr. h. ch., A 50, Quốc-dụng-chí, tr. 69).

Cứ xem những lời nghị-luận của triều - thần đời Cảnh-hưng (1740 — 1786) và lời bàn của Phan-huy-Chú, (1782 — 1840) thì trong đời Lê (1428 — 1789), tuy đã đại-p ở quân điền đã rõ-ràng kỷ-luỡng, nhưng toàn là lý-ty ở ruộng công mà chia cho người nghèo, chứ chưa hề lấy ruộng tư của người giàu mà chia đều. Đối với việc chia công-diễn ở Bình-dịnh về đời Minh-mạng, Tự-đức có khác, vì việc quân điền ở Bình-dịnh là lấy ruộng tư của nhà giàu chia cho đều, mỗi mẫu ruộng nhà giàu chỉ để cho ba mẫu ruộng tư mà thôi. Về chi tiết ấy không thấy nói rõ, nhưng chắc cũng có một cái chi-tiết gì khác, nếu không thì thật là không công.

Nhưng dù sao mặc lòng, từ đời Lê về sau, triều-đình vẫn chú-trọng đến dân, thứ nhất là dân nghèo.

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Tính-diễn là một khả ruộng chia ra chín phần, hình chữ lĩnh là riêng tám nhà làm tám bên, còn ở giữa là ruộng của vua, tám nhà đứng quanh phải hợp nhau lại mà cấy giống cấy gặt

Một công việc cần kíp của một bộ
tuyên-truyền trong nội-các Việt-nam...

TA PHẢI CHỐNG LẠI LỐI TUYÊN TRUYỀN MAN TRÁ của bọn thực-dân!

VŨ - BỘI - LIÊU

I

Người Việt-nam dưới mắt
một bọn nhà văn pháp

TRONG hồi Pháp thuộc, bình thường có một nhà văn, hay một chính - khách có tiếng, từ « quốc-mã » sang thăm xứ Đông - dương. Và, sau khi đã đi qua các đô-thị lớn-ngôi trong chiếc xe hòm lộng - lẫy vùn - vụt chạy trên đường nhựa thẳng băng — ; sau khi đã dấu giày ở một vài nơi thẳng-cảnh, uống rượu cần và ngắm nhìn các cô gái Thổ « múa xoè » trên mạn ngược, hay xem các phụ nữ Cao-mên uốn éo lăm thân uyển-chuyển trong cảnh hoang tàn Đê-Thiên Đế Thích ; sau khi đã mục-kích « công-trích vĩ đại » của người Pháp ở mấy nơi nghỉ mát tiêu tiên : Dalat, Chapa, Sầm-sốp, Tam-dào, dự các cuộc khiêu-vũ, những bữa tiệc có đủ gái đẹp, rượu nồng dè béo, cùng những bất-diễn-văn tán tụng hồng môn, thế là họ lại trở về nước mang theo đủ tài liệu để viết một thiên khảo cứu hay một tập hát ký, ca - tụng tiếng ngọt ngào chính sách thực dân tài-thiêu của nước

Pháp » cùng « đời sống phong phú, thịnh-vượng, của xứ thuộc-dịa đẹp nhất của nước Pháp, là xứ Đông-dương » (Theo nhời Maurice Percheron : tựa quyền « Contes et légende des d'Indochine »).

I

« Văn chương thuộc địa » một thứ văn chương vu cáo

Nếu chỉ có thể thời thì cũng không hại gì cho lắm. Nhưng mấy nhà du - lịch « chớp nhoáng » ấy nhiều khi cao hứng lại hạ bút phê-bình về « tâm-lý dân bản xứ » — bọn người mà họ chỉ kịp thoáng thấy trong khi ngồi xe hơi tung bụi trên con đường thiên lý — tôi không cần nói, chắc các bạn cũng hiểu những nhời xét-đoán đó thù ân-lệch và sai lầm đến thế nào. Và mấy hôm ra về mình rất an nhiên tỉnh-tĩnh, phong tục dân bản-sử, họ không lùi trước sự lừa dối, man-trá, bịa đặt ra nhiều đến thâm vô-lý và nực cười.

Một nhà văn họ Louis Bonnat (trong quyển « Journal de Tca ») đặt cho ta những tên rất dị kỳ : Ta na Ba, Họ ti Jou, Ti sa, Nam, Zim zi zi. Trong tiền thuyết của

bà Myriam Harry (1), chỉ hàng quẻ rao : « Mac-o-o-ol ! C ia-ti-ti-ti ! », khá h ngời xe kêu : « mao r mao ! », và phu xe trả lời : « Tao, ao ! » Lại có cả mấy cô-nữ-sinh gọi nhau, nghe như iếng mèo kêu : « miao ! ! miao ! ! Tzie ! ! tzie ! ! » Trong mấy tác-phẩm khác, ta thấy một lữ sư ông đang nhẩy múa như điên cuồng trước tượng phật trong chùa (« An so e l des trop ques » của Pièvre d'Epur), ta lại gặp một ông huyện — Rmle Nolly bảo đó là chữ một cái cai tổng, còn Chivas Baron lại tôn lên làm một ông chủ tỉnh ! — ông huyện đó chít khăn đỏ và đeo một cái đai ngà to bằng nắp cháp ! P. Bonne-ain trong quyển « Opium » cho ta trông thấy một anh phu xe leo ống « cai-xuân » (cai-quân ?) lên dè lau mồ hôi trán, và Myriam Harry kể nhiều truyện rất dị kỳ : có một người vú già — mà tác giả mệnh danh là « Bussa » (?) — có hai « dânu dân họ huyện cầm hàng (ngón chân) trái lại có một con chó nhiều được iếng lâu, hết đi xem hát đến đám hay, thì cầm

(Xem tiếp trang 19)

1) Theo Seller : Cô mai.

NGÀ TƯỢNG « BÓN BE »

Ngày hai bốn mùa kẻ tháng sáu,
 Hồi chín giờ hũy-dã thực dân.
 Tiếng vang khắp hết xa gần,
 Số người chứng kiến dần dần tới đông
 Dưới quyền vị đốc-công thành-phố
 Chỉ bảo phu lục-lộ buộc giầy,
 Bốn bề sẵn có bốn cây
 Buộc vào thân tượng năm giầy kễch
 sù,
 Dùng sà beng đâm phu này bầy,
 Tượng từ từ đã thấy lật nghiêng
 Chung quanh bạc sắt giẽ giềng,
 Tượng « Bón Be » đã hồn thiêng chầu
 giới.
 Trong khoảnh-khắc người người
 trông thấy;
 Vẻ vui mừng ai nấy hò, reo!
 Tượng đồng ngã xuống năm què,
 Chính-quyền áp-chế trôi theo còn gì?!
 Nghĩ nóng nổi: từ khi dựng tượng,
 Khoe nhữnq câu: đại-lượng văn-minh,
 Nào là dân-kẻ dân-sinh,
 Nào thiên-chức, với phúc-tinh hộ-trì
 Nền ra câu lưỡng kỳ Bảo-hộ,
 Cho tiện bề nạt nộ nọ si,
 Đang lâm cật dứt ba kỳ,
 Cướp làm thuộc-địa phân chia lòng
 người,
 Năm chín năm (1) tượng người dựng
 đó;
 Đã bao lần sóng gió biết không?
 Việt-Nam chứa sẵn một lòng,
 Căm gan tim ruột vẫn không lật
 nghiêng,
 Giận vì nỗi xích xiềng trôi buộc;
 Chính sách đầu thối lược xương hăm,
 Lũ người sao nỡ cam tâm:

Nước sôi, lửa nóng khiêu-dâm, rượu,
 chè,

Phải tri-thức ép dè tù ngục;
 Lũ dân đen tối nhục cơ hàn,
 Kẻ ra tội ác chưa chan!
 Đồng căn bậc đã muốn vắn chầu vai,
 Lại nhặng nổi reo tai giá họa,
 Cam chịu bề đầy dọa bầy lâu,
 Nóng ran như lửa đốt dầu
 Nằm gan nếm mậ rẽ hầu làm thịnh
 Dân khi đã bắt bình hồn đau,
 Mong có ngày rửa hận nào kinh,
 Hỡi ôi! Cái đước văn-minh,
 Giả danh mặt nạ dối mị nh bầy nay,
 May gặp được hồi này cải mở.
 Đại A-Đông muốn thừa hưởng cường.
 Vấy vùng trên Thái-Bình-Dương,
 Da vàng máu đỏ lên đường văn minh.
 Việt-Nam Đế-Quốc thặng bình,
 Chúc cầu quốc-kẻ dân-sinh kiện cường.

Biệt lam TRẦN-BUY

(1) Tượng dựng năm 1886

HÌNH ẢNH

Giờ này trăng chửa qua rèm lụa.
 Nửa nấp hoa quỳnh, nửa nấp máy,
 Tôi đứng bóng-khuâng bên ngưỡng cửa.
 Mắt buồn thăm-thăm rồi ngàn cây,
 Tưởng người thức trắng đêm dài viết.
 Ánh nến buống xanh bóng vô gầy!
 Đợi muốn tìm ai trao trí lớn?
 Về thôi, vườn ruộng ngát hương say!

(Đứng bên một đêm trăng)

NGÂN-GIANG

Khanh Thục Ca

của NGUYỄN - THỊ - BÍCH

Số 6

Unq-hoè NGUYỄN-VAN-TÔ

Tự-quân (1) lên rước phản hồi, (2)
Tịch-diễn (3) hãy dọn tẩm ngồi một khi.
Túc-thanh (4) cung điện hộ vệ,
Mệnh quan quyền cái (5) kip kỳ đấng-quang (6).

Trong ngoài đều dạ hân-hoan,
Gẫm xem thiên đạo tuần-hoàn rất mau.
Bấy giờ đứng toại sở cầu,
Mặc-phò (7) nhờ có trên đầu khiến xui.
Tháng mười năm ấy quý-mùi,
Mồng ba hiệp-cái (8), lên ngôi cầm quyền,
Hiệu xưng Kiến phước kỷ-nguyên,
Trong ngoài yên-định, dưới trên thuận-lũy.
Giáp trong nhờ có mẫu-nghi (9),
Ngoài thì thứ-chức (10) cơ nghi giữ-gìn.
Ý-thần (11) lại lựa dùng hiền,
Gia-hung (12) phụ-chính chỉ truyền kinh vâng.

Nhưng cùng Pháp-quốc giao lân,
Cũng cho triều yết, cũng thần ước điều.
Áu lo việc nước hãy nh'ều,
Ninh-lãng đại-lễ phải điều trước toan.
Đến tuần tháng chạp công-thoan,

- 1) Tự-quân là vua mới, vua kế-vị.
- 2) Phản hồi là trở về.
- 3) Tịch là giày-xéo lên; tịch-diễn là thứ raộng vua giày-xéo lên để cúng, một là để lấy gạo cúng lễ, hai là để khuyến nhân dân.
- 4) Túc-thanh là lên cung điện.
- 5) quyền cái là chọn ngày tốt.
- 6) Đấng-quang là lên ngôi vua (ngôi sáng), cũng như đấng cực.
- 7) Mặc là lộng lẽ, phò là giúp. Mặc-phò là giúp một cách không ai biết.
- 8) Hiệp cái là hợp ngày tốt.

9) Mẫu là mẹ, nghi là phép. Mẫu nghi là đem phép tắc làm mẹ thiên hạ.

10) Thứ chức là mọi chức, tức là các quan.

11) Ý nghĩa đen là tốt, thần là thần thích; ý thần là rất thần.

12) Gia-hung quận-vương tên là Hường Hưu, lại có tên là Hường-Thuyền, là con thứ tám Vua Thiệu-trị, sinh năm 1835, mất năm 1885. Năm 1884 Vua Kiến-phước lên ngôi, các vị hoàng thân và phò tá-nhơn tâu rằng: « Hiện nay trong nước nhiều việc gian-nan quan-trọng, tự-quân còn nhỏ tuổi, nên có vị thần thần nào là người trọng hậu lão luyện để giúp đỡ ». Vua cho quận-vương sung chức phủ-chính thần-tử, vẫn kiêm chức hữu-tôn-nhơn ở phủ Tôn-nhơn. Đến năm 1885 Vua Hàm-nghi nối ngôi, Trấn-tĩnh quận-công Miên-Chi tâu rằng: « Gia-hung quận-vương nhân việc tư bỏ việc công, làm tiếm lộ quân-quốc trọng-sự, gia chi dĩ chi: bằng thế không cần thần ». Giao phủ Tôn-nhơn và Chính-phủ tra xét nghi án. Bọn Nguyễn Văn Tường và Tôn-hất-Thuyết nói rằng: « Gia-hung quận-vương đã nhiều lần đi lại với khâm-sứ Pháp là Lê-na (Rheinart), tất là có thông lõ các tình tiết... », triều-thần cho rằng: « Như lời của bọn Tường, Thuyết, thì lời tâu của Trấn-Tĩnh công là thực », kết thành án bỏ ngục cách hết chức tước, rồi an-trí ở đồn Lao-bào thuộc trấn Quảng-trị, các con thì giáng làm tôn-thất, và cũng an trí mỗi con một nơi, Quận-vương liền mất ở Lao-bào. Cùng năm ấy vào khoảng tháng năm, Vua Hàm-nghi chết. Thọ-Xuân vương (con thứ ba vua Minh-mạng) nhiếp chính, phụng ý chỉ ba cung cho tha tội, đem quan tài về táng ở kinh, đến mùa thu năm ấy gia-on khai phục tước công và cho các công-tử lại được về nguyên tịch. Đến năm 1889 được khai phục làm quận-vương, thụ là Cung-túc được đến ở phường thứ năm huyện Hương-là, Hường Hưu có 11 con trai và 15 con gái (Đại-nam chính-biến liệt-truyền, nhị-lập, q. 8, từ 10 a-m N. Ordand, Les tombeaux des Nguyễn).

Mồng hai hiệp-cái ngành sang bữa-thành. (13)
 Vừa rồi việc lớn lễ thành,
 Pháp-lan lại tới hừng-hành sách-yêu (14).
 Mấy nơi hiểm-yếu đã nhiều,
 Dị nhượng đó ở, chẳng theo ắt ngày. (15)
 Bình-đài (16) chiếm trước về tay,
 Kinh-thành hai mặt đất nay cũng nhường.
 Mưu sâu, cú-hiềm tự-cường,
 Khiến ta làm biến, khôn đường giữ ngàn.
 Sợ oai dám nói phải chăng,
 Ôm lòng vuốt dạ ăn-năn thêm sâu!
 Lại hiềm từng-phục với Tàu (17)
 Vua Tàu phong ấn, truyền mau nộp rày.
 Lửa gần, rất ngán nỗi Tây!
 Nước xa, đề đợi Tàu hay, còn gì,
 Phải đem ấn nọ nộp đi,
 Tây liền tiêu-hủy, chẳng vì chẳng phân!
 Quan ta ai dám nói năng.
 Mắt nhìn, miệng cũng ngộp-ngừng chán lui!...
 Nỗi tây lẫn-hiếp đã rồi,
 Nỗi mình lẫn-hiếp, nghĩ thôi rất kỳ!
 Chẳng qua tới buổi suy-vi, (18)
 Hoàng-thần quốc-thích (19) gian-nguy khôn-
 cùng.
 Ở đời chẳng giữ đạo trung, (20)
 Xu-viêm phụ-nhiệt (21) những mong sang
 quyền.
 Gặp khi đến lúc ngã-nghiêng,
 Người nghèo ắt cũng lụy-liên (22) tới mình.
 Lãng-công (23) xây gặp bất bình,
 Quốc-công Tug-lý (24) thất kinh lo lượng.
 Sợ rằng bè đảng tội mang,
 Tới cầu Pháp-quốc giải-nản họa may.
 Nào hay tây chẳng nộp rày,
 Phải về chịu phép thoát nay không đường.
 Một nhà thầy bị đâm phồng (phường),
 Ông Phong ông Hải (25) cũng mang tai nạn.
 Hường-Phì Hường-giáp hai chàng, (26)
 Đều tra thuốc độc, chẳng khoan mở lòng!
 Ngạnh-cường chẳng chịu phục lòng,
 Kỳ-anh-công cũng theo vạng chết oan,
 Thương thay! lá ngọc cánh vàng
 Vì sao nên nỗi lật giởng khờ thay
 Bảo-thần hân có trước hay,

Thì chi đến nỗi họa (đây) lửa thành! (27)
 Sợ lo ai nấy giữ mình, (28)
 Ai làm ngay khờ oan-tàh mịch ai!
 Kêu rêu nào dễ thấn trời,
 Đã đành chịu ập khôn xoi chốn mờ.
 Vua thì còn hầy ấu thơ,
 Mặc lòng sinh-sát bất tha vai-quyền!
 Tiếm dùng nghi-vệ chẳng kiêng!
 Lang-lãng ngộp nghé ý riêng đã bày,
 Bình quyền trao kẻ chán tay,
 Một quân phần nghĩa để nay hộ mình.
 Hường-chuyên với lại Hường-thành,
 Vốn cùng mưu một nữ đành giết oan!
 Trút hồn chẳng chịu nhiều khoan,
 Đãi người lương những bạo tàn nghĩ sai.
 Pháp tiền dân chẳng vâng lời, (29)
 Phổ phường chợ búa bởi bởi dậy la.
 Oai hành cấm trấp hỏi tra, (30)
 Song dân chẳng phục, dờ la thêm ớn,
 Phải dùng ý chỉ cam ngôn, (31)
 Khâm tuân phủ dụ biết tôn biết nghĩ.
 Găm xem việc nước suy vi,
 Cũng vì hội hóa (32) liền kia thông đồng.
 Làm tới chửi rủa giữ sách trong,
 Phỉ gia ích kỷ (33) sửa lòng làm sao?
 Vả rằng nhà nước tổn hao,
 Chung nay tế-tự thề nào cũng nên.
 Thọ-xuân-vương (34) cũng hào khen,
 Bên bày tâm-lệ q ảm quyền quá chừng,
 Thánh xưa lời ắt dạy răn,
 Mất lễ mất lễ, ấy rằng sao nên
 Đều là chính-lành quá khiếm,
 Đưa ngu c ịa tặc, n ười hiền lánh thân.
 Đành lòng trông đợi ấu-quân (35)
 Lớn khôn sửa trị họa chẳng sau này...

Sau khi bỏ vua Hiệp-hòa ngày tháng 10 năm quí
 mùi (từ tháng 11 năm 1883), bọn Trương Thụy
 tiến nước tự-quân (từ K ến - phước) trở về, dọn ở
 Tích-diệp để ngồi tạm một khi, có quân lính ở
 cung ở ộn Túc-thanh ra hộ vệ, rồi sai quan chờ
 ngày tốt để định ngày đánh giặc. Trong ngoài
 đều một lòng vui vẻ: găm xem đạo trời vẫn chuyển
 thật là mau chóng. Bấy giờ ai ai cũng thỏa lòng

(Xem Tập trung 12)

NƯỚC Việt-Nam đang đi vào một đường mới, tự mình phải định lấy vận mệnh; người Việt-nam còn phải, hãy nói trong vòng lý tưởng đã, tranh đấu rất nhiều. Tranh đấu với các trở lực là di-sản của 60 năm đô hộ ác-hại, có cái trở lực do các tình trạng thuộc chính trị, kinh tế, kết quả của sự cai trị vụ lợi và giả dối của bọn thực dân Pháp; có cái trở lực thuộc tâm lý đó là cái mà lực truyền bệnh còn ám ảnh một số người Việt chưa giải phóng được tâm hồn, chưa hẳn tin ở tương lai giống nòi. Người Việt phải nỗ lực tranh đấu, dù rằng thiếu thốn rất nhiều, phải cố mau mau làm củng-tụ cái hồn tự-chủ mới hồi tỉnh, và trong một thời kỳ rất ngắn làm cho xứ-sở chiếm được một địa vị xứng với lịch sử Việt-nam, với hoàn cảnh thế nhân, trên trường cộng sự chúng quốc không đến nỗi kém hèn.

Các chế độ của Tân Chính phủ Việt-nam về mọi phương diện luật pháp, hành chính, kinh tế, tài chính, giáo dục, sẽ noi theo chủ ý đó, quốc dân ta không còn ngờ gì nữa.

Song có chế độ còn đang thời kỳ nghiên cứu, hình thức chưa hẳn định, ở trong còn nhiều vấn đề phức tạp chưa giải quyết xong. Như nền học mới của nước Việt-nam độc lập, định hướng như đã phát hình họa hợm, mà các phương pháp lực thành các phương tiện

hành-động, sự tổ chức cho có quy mô bề thế, chưa qua vòng thảo luận.

Vì vậy tôi có một vài ý kiến bàn góp về việc học Việt-nam; những ý kiến này chỉ là nêu những cảm tưởng đầu tiên của một người dân nước Việt có đôi chút quan niệm về sự kiến thiết quốc gia.

Nền giáo-dục Việt-nam. — Mục-dịch

Nền học Việt-nam chia làm ba đẳng hạng: giáo dục phổ thông tức là ngạch tiểu học; — giáo dục hạn định tức là ngạch trung học, giáo dục chuyên khoa tức là ngạch đại-học. — Lại có nền giáo-dục chuyên nghệ, cốt dạy công nghệ.

Kể thiếu niên Việt-nam đi học phải rõ mục đích của mình, phải nhận chân bốn phận theo một lý tưởng rõ rệt. Cái mục-dịch ấy phải luôn luôn theo đuổi, cái giáo lý kẻ thanh niên nước Việt-nam phải thuận thụ, làm chủ cho những xu hướng, hành vi chính đáng trong khuôn khổ quốc gia cái mục đích đó chung cho toàn thể học sinh Việt-nam, nhưng theo mỗi đẳng hạng lại có tính cách riêng. — Người học sinh Việt-nam, bất luận trai gái, phải tin tưởng ở sự trường tồn và sự thịnh vượng không cùng của nước Hoàng-Việt mà hằng mong đem cán chất não nhứt mà làm việc, hoặc theo cái thiên tư đặc biệt của cá-nhân hoặc trong phạm-vi công cộng của xã hội đề mưu cho sự trường tồn và sự thịnh vượng càng cao càng hơn

NỀN HỌC MỚI VIỆT - NAM

HOÀNG KIM LUNG

của nước nhà, lại coi sự làm trọn nhiệm-vụ ấy là một hạnh phúc quý nhất ở đời — đó là mục đích căn bản và tối cao, phạm đã là người Việt-nam được cấp sách đi học là phải noi theo — (nhưng người Việt nào rồi chẳng biết đọc biết viết chữ nước nhà). — Tối cao, vì phụng sự lý tưởng đó là công nhận thừa hưởng cái gia tài chung, kết quả của mọi công cuộc cải thiện dân sinh, khai hóa dân trí bành trướng quốc thể, do các lớp người Việt-nam đã kế tiếp nhau mà lực bành, trải qua các triều đại đế vương là những vị mục-dân chịu thiên mệnh đã, tới đây tính quá 4000 năm, dù đất quàn chúng Bà h-Việt theo một chỉ hướng nhất định, cái chỉ hướng đó, cứ trông lên bản-đồ quốc thổ thì thấy hiện ra ở sông kia núi nọ; — lại công nhận cái gánh nợ ta nợ tiền nhân mà quyết tâm, quyết lực trả nợ để không những giữ được, mà lại làm giàu cái gia tài tổ quốc, làm mạnh cái chí tiến-triển của quốc dân, thời này là thời mạnh được yếu liệt, trường quốc tế là chỗ rất náo nhiệt trăm giống chen vai thích cánh cái chí ấy càng ngày càng phải mạnh thêm lên mà

nòi Việt chúng ta sẽ không thua thời thế. — Căn bản, vì mục đích đó biểu lộ được cái đệ nhất sở trường của người nước Việt: trọng sự cần lao. Cần lao, một nguyên động lực đã giúp ta đánh lấy một đường sinh-lộ về vang trong cuộc sống còn gay go, nhờ đó mà dân ta nhẫn nại chống với thiên tai, nhờ đó mà ta hòa bình khai thác đất đai miền nam bộ Đông A, nhờ đó ta có thể hòa bình chung sống — có khi đồng-hóa với các chủng tộc ở gần ta. Không công nhận cái Việt-tính ấy, là muốn nguy hiểm. Thử xét trong các dân tộc ở miền Nam Hải, có dân tộc nào, đàn ông cho chỉ dẫn bà, chuộng sự cần lao hơn dân tộc ta?

Mục đích riêng thì tùy theo cấp học, cấp nào có đặc trưng của cấp ấy, như nền học phổ thông thì phải dựa theo một phương châm giản dị, thiết thực; nền học trung đẳng có một quan niệm lý - tưởng về quốc-gia, cốt thu thập lấy cái phần tinh hoa của nòi giống đã vì cái trào lưu xu thời vô độ và tông ngoại mà quáng mà gần tản nát, hết; — thu thập và bồi dưỡng thêm cho hợp với trình độ, với thanh danh của một nước mới

phục hồi nền độc lập mà muốn hết sức tân tạo. Còn nền cao học Việt nam, thì chủ kích thích kẻ anh tài sáng tác cho nước nhà một nền văn hóa riêng, cái quốc thể sau này một phần lớn trông cậy ở bọn đó.

Nói một cách rõ rệt hơn thì ở trường sơ đẳng học sinh Việt-nam có cái nhiệm vụ mở mang các năng lực về tinh thần và thể chất, đủ đủ làm một người dân lương hảo và hữu dụng; cái nhiệm vụ ấy thành tựu được là nhờ sự áp dụng hoàn toàn chữ quốc ngữ vào chương trình học. — Qua bậc tiểu học, thiếu niên lên đến trung học, trong sự mà luyện bực văn, phải dần dà biết yêu-quý cái cổ hũ của giống nòi mà không quên thái các yếu tố của văn minh thế giới hiện đại là những thứ cần cho cuộc tân sinh hoạt, miễn là những yếu tố ấy, ý nghĩa không trái với quan niệm quốc gia. — Một nước độc lập xứng đáng với danh từ độc lập có rất nhiều ham vọng, mà cao nhất nhất là cái tâm vọng mở mang công cuộc văn hóa theo cái đặc sắc của chủng-loại, gây cho tiếng nói chữ viết của mình một cái phạm vi vượt ra ngoài địa giới chính trị, mà chung cục góp phần vào việc tạo tác nền văn minh của toàn thể nhân loại. Cái tham-vọng đó, đạt được hay không, một nước Việt nam mới có được văn vẻ và phổ cường như chúng ta đương mong ước không, bọn thượng lưu trí thức được hấp thụ nền đại học sắp thành lập sẽ trả lời, mà tương lai sẽ trả lời.

Sự tổ chức các trường học Việt nam

Trường tiểu học. — Có hai thứ tiểu học: a) Trường tiểu học yếu lược, nay nên gọi là Ấu việt học

hệu, dạy ba lớp đồng ấu, dự-bị sơ đẳng; Trẻ con 6 tuổi được vào lớp Đồng ấu. Sự bỏ bằng sơ đẳng yếu lược, đã thi hành năm nay ở một vài nơi, xem ra dân quê không hoan nghênh. Vì vậy e rằng số học trò vào các trường Ấu Việt sẽ ít đi. Ta nên nhớ rằng từ trước đến nay, trong vòng mười năm, học trò vào lớp tiểu dưới, không bắt buộc phải có bằng đó, thế mà số thí sinh thi S. H. Y. L. vẫn nhều. Đã biết ở thôn quê, vẫn sợ trường về việc thi cử, — cái sợ trường ấy, về một phương diện, là một sợ đoán chẳng? — nay việc học cải tổ theo một tình thần mới thì bỏ bằng ấy đi xem ra hợp thời, nhưng nếu đem mà xưa đời thì chưa chắc trái với tình thần mới, trái với dân nguyện.

b) trường tiểu học kiêm bị, gọi là Tiểu việt học hiệu, hạn học 5 năm 3 năm « Ấu việt » và 2 năm bổ túc. Học trò vào cấp bổ túc phải đủ 8 tuổi. Văn bằng tốt nghiệp « Tiểu việt » tương đương với văn bằng sơ học bổ túc nhà nay.

Nền tiểu học phải hết sức phổ thông trong dân gian. Nhưng xét hiện tình, cái có thể « bắt buộc » trẻ con phải theo học hết cấp Ấu việt mà thôi.

Trường trung học. — Gọi là Trung việt học hiệu, đặt tại các nơi đô thị lớn, hoặc những tỉnh lý thượng du xa Hà-nội. Chia làm 2 bậc: trường Trung việt đ nhất cấp, hạn học ba năm, trình độ ngang với trường C. Đ T. hiện tại. (Trung việt đệ nhất học hiệu có thể kêu là Thiếu học hiệu).

Trường Trung việt kiêm bị, hạn học 5 năm, bằng tốt nghiệp tương đương với bằng Tú tài bây giờ (Xem tiếp trang 14)

HẠNH THỰC CA

(Tiếp theo trang 9)

Được, đang phở-tri một cách tự-nhiên như thế, là nhờ có hóa-công ở trên đầu xui khiến ra như vậy. Tháng mười năm ấy là năm quý-vi, theo dương-lịch là năm 1823, ngày mồng-ba là ngày hiệp-cát, tự-quân lên ngôi hoàng-đế để cầm quyền-chính trong nước, đặt niên-hiệu là Kiến-phúc, thần dân trong ngoài đều yên ổn, từ trên xuống dưới đều thuận theo. Ở trong nước có mẫu-ngài (tức là ngbi - thiên - chương - hoàng - hậu, mẹ vua Tự đức và Lê-thiên - anh - hoàng - hậu vợ vua Tự đức) góp đỡ chính-sự (vì vua Kiến-phúc lúc bấy giờ mới 15 tuổi), ở ngoài thì các quan phải tuý cơ mà làm việc cho được tiện-nghỉ và phải giữ gìn. Lại chọn vị hiền-thần trong bậc ý-thân, nên có chỉ truyền Ga-hung quận-vương là Hường-Hu được phụ-chức Nhưng phải giao-lân với nước Pháp, cũng cho họ được triêu yết và cũng nhận những điều khoản trong hóa-ước là phải nhận nước Pháp làm bá-hộ. Trong nước lúc bấy giờ hãy còn nhiều việc phải lo toan, thì việc ninh-lãng (tức đám ma vua Tự đức) là đại-lễ phải tỉ mỉ mà làm trước. Đến tháng chạp năm ấy công việc cử-hành đã sửa soạn xong, ngày mồng hai là ngày hiệp-cát rước tử-cung lên lăng. Việc lớn (là lễ ninh-lãng) vừa cử hành xong, nước Pháp lại tới hung-băng, nào là cầu việc họ, rồi lại đòi việc kia. Có mấy nơi hiểm yếu đất nhều, thì họ bắt cầu hoặc nhượng để họ ở, nếu không theo thì tất gây-ngã. Trấn Bình-đại thì chiếm về tay trước, và mấy chỗ là hai bên kinh thành cũng phải nhượng cả. Họ có mưu sâu giữ chỗ hiểm để tự cường, khiến cho ta đến lúc biến cũng không có đường nào để chống giữ và ngăn-gừa. Kắp triệu thần ai cũ sợ oai, chẳng dám nói phải chăng, chỉ đem lòng vuốt dạ chứ nói lại thì đâu! Lại thêm một nơi rằng nước ta đang phục nước Tàu, cái ấn của vua Tàu phong cho, Pháp bắt nộp ngay. Rất ngán cho nước Tây lẫn và nóng như lửa, mà nước Tàu thì ở xa, cho Tàu biết thì còn gì nữa; cho nên phải nộp ngay cho Tây. Tây liền đem tiêu hủy giấy phân trái phải, chẳng vì nề ai! Các quan ta ai dám nói-năng, trông thấy khó chịu, miệng nói nói nhưng lại sợ, nên phải lánh đi!...

Về nỗi người Tây lẫn hiếp đã đành, đến nỗi người mình lại lẫn hiếp nhau, mới thật lạ! Chẳng qua vận nước đến lúc suy, cho nên hoàng-thần quốc-thích đều phải gian nguy khốn cùng. Ở đời nên chẳng giữ đạo trung-dung cứ su-phụ vào chỗ quyền-thế để mong sang giàu, lỡ gặp khi quyền-thế ngã- nghiêng, người ta bị nguy-nhiễm tất cũng liên lụy tới mình. Văn-lãng-công (Hiệp-hòa) xảy gặp chuyện bất bình, thì quốc-công Tuy-lý cũng giết mình mà phải lo toan, sợ rằng họ vu cho tội bẻ gãy, mới sang cầu với nước Pháp để họa may thoát nạn. Ngờ đâu nước Pháp không chịu nhận, nên quốc-công phải về mà chịu tội, chứ cũng chẳng thoát đi đường nào được! Một nhà Tuy-lý-công đều bị bắt giam, cả đến ông Phoung ông Hải cũng bị tai nạn, và hai chàng là Hường-Phi Hường-Giáp cũng bị tra, rồi uống thuốc độc chết, chứ chẳng khoan dung chút nào! Cũng cớ ở đây lại không chịu theo, như Kỳ-anh-công, cũng bị chết oan. Thương ôi! là ngọc cảnh vàng (là những người họ gần của nhà vua), vì đâu nên nỗi bị khổ về lại giường (trời buộc, giam cầm)? Nếu có mưu-chước giữ mình, thì làm chi đến nỗi cháy thành và lấy! Lúc bấy giờ ai cũng sợ hãi, ai cũng lo toan, chỉ cốt giữ mình, còn ai bị nguy-biến khổ-sở, ai bị oan ức, thì mặc kệ! Thật là kêu rên nào thấu đến trời! Đã đành rằng như bị úp ở trong chậu, thì dầu bóng mặt trời mặt trăng cũng không soi tới chốn mờ ám. Vua Kiến-phúc thì hãy còn thơ ngây, mặc cho bọn quyền-thần ra oai, muốn tha ai sống thì được sống, muốn bắt ai chết thì phải chết! Lại làm đúng nghi-vệ, không kiêng nề gì lung lảng ngấp-nghe đã lộ bày ý riêng. Bình-quyền thì trao kẻ tay chân, lại mộ một đội quân gọi là phỉa-nghĩa để hộ vệ lấy mình. Có hai người là Hường-Chuyên và Hường-Tránh, cũng mật mưu để giết quyền-thần, sau bị chết oan! Định trút cái hờn (tức là rửa giận) nên chẳng chịu dung thứ một điều gì, đã người thì rất những tàn-bạo, ghen-ghét và nghi-ngờ (đoạn này nói quyền-thần). Lúc bấy giờ tiền của nước Pháp, dân không chịu tiêu, nào là phố phường, chợ búa, chỉ thấy từng bầy từng lũ dấy lên kêu la. Ra oai, nào cấm, nào bắt, nào hỏi, nào tra, nhưng mà dân vẫn không phục lại hóa ổn thêm. Sau phải dùng đến ý chỉ

của lương cung (tức là bà và mẹ vua Kiến phúc) nói ngon đồ ngọt: hễ dân kính theo lời phủ dụ ấy là dân biết tôn kính vua, biết nhàn nghĩa. Cứ như thế, mà gẫm xem có phải là việc nước bị suy kém đi, cũng vì tiền tệ mà ra. Làm bề tôi mà chẳng giữ được trong sạch, nếu chỉ cốt phi gia ích kỷ thì trong lòng sao đang? Vả lại đương khi nhà nước bị hao tổn, thì việc tế-tự thế nào cũng xong. Khen thay cho Thọ-Xuân-vương, (con thứ ba vua Minh-mạng) bày ra lệ mới giảm bớt quá chừng. Lời các bậc thánh hiền đời xưa đã dạy, dễ mất dễ tức là bỏ mất lễ, chứ có phải vì miếng thịt dê đâu! Các chính-lệnh ấy đều là trái ngược làm lỗi, cho nên đưa-ngu chịu tội, người hiền lánh thân. Đành lòng chờ đợi ấu-quân, đến k. lớn khôn thì cầm quyền sửa trị lấy, họa may cho sau này...

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

13) Bửu thành là thành báu, tức là lãg.

14) Sách yếu là đòi cho được.

15) Ngầy là phiền-nhiều, quấy rầy.

16) Bình-đài là Trấn-bình-dài.

17) Nước Tàu lớn, mà lại ở kẻ rách, cho nên ta vẫn phải chịu kém; làm khi đã đánh được họ rồi, mà vẫn phải chịu họ phang cho! Đến triều Nguyễn cũng thế, ngay từ đời Gia long cũng nhận sắc và ấn của nhà Thanh. Năm 1834, sau khi ký tờ « bảo hộ » sứ thần Pháp tên là Jules Palenôtre (Son, venirs d'un diplomate) bắt đem cái ấn ấy ra phá hủy.

18) Suy-vi là suy kém, yếu đuối.

19) Quốc thích là hậu-phí, họ ngoại nhà vua.

20) Đạo trung đầy là đạo trung-dang, chứ không phải trung nghĩa.

21) Xu v.ém là chạy đến chỗ nóng, phụ nhiệt là phụ theo chỗ nóng; cả bốn chữ nghĩa là xu phụ quyền-thế, thấy người đắc-thế thì mà theo.

22) Lự-liên tức liên-lự, là dính dáng tội-ra.

24) Quốc-công Tay-lý là Tay-lý vương Miên-Trinh, con thứ mười một. Vua Minh-mạng, sinh năm 1820, mất năm 1897. Người thông minh từ lúc nhỏ; năm bảy tuổi bắt đầu đi học, thấy dạy sách « Hiếu-kinh », đọc qua một lượt thuộc ngay thày lãg làm kinh dị. Bắt đầu phong Tay-quốc-công (được phong từ năm 1839) đến năm 1878 tấn phong Tay-lý quốc vương. Năm 1882 xưng chức Tả-lôn-khánh phủ Tả-lôn-nhơn. Năm 1883 phang đi sứ của Vua Tự-đức

có câu: « Vương và Thọ-xuân-vương (Miên-Định là con thứ ba Vua Minh-mạng) đều là bậc tuổi cao đức trọng: phàm thấy nhà nước có việc gì không phải, nên nói hết mọi định chình cho ». Khi vua Hiệp-hòa lên ngôi, Miên-Trinh được tấn phong vương tước. Vua Hiệp-hòa cho là bậc học thức, có lòng ưu-ái trung thành nên hễ có hội thương hay hội giảng việc gì, thường sai đi cùng với đình thần. Nhưng rồi sau bọn quyền thần là Trương, Thuyết thiêu liên phê lập, Vương không tự yên, lên đến đồn Thập-an cùng ở với Picard Gestelan: người Pháp lại trả ngài về cho bọn Trương, Thuyết; bọn Trương Thuyết lấy cơ ấy bắt tội, giáng làm huyện công, giam ở trại lính Thừa phủ, rồi an trí vào Quảng Ngãi, con cháu thì an trí vào Bình định, Quảng Ngãi, Phú Yên, mỗi người một nơi. Con là Hương Tả, Hương Sâm cũng việc ấy mà bị hại. Hương Sâm là người cương trực, lúc ấy sang chơi thăm biện các sự, mỗi khi bàn việc nước phàn nhĩều không hợp ý giữa nhà cầm quyền, vì thế bọn Trương, Thuyết đã bỏ vua Hiệp-hòa rồi liền an cho Hương Sâm có tội, truất làm thứ nhân, giam ở ngục, rồi giết bằng lối cho thuốc độc, năm ấy Hương Sâm 44 tuổi. Đến năm 1885, ở Kinh có việc bọn Lê trung Đĩnh ở Quảng Ngãi chếm cử tử h thành lập Tay lý vương làm Phụ chính vương, ngài cố từ chối không chịu lấy (nhận). Đến năm Vua Đồng-khánh lên ngôi (1886) tha về, khai phục tước công; con cháu đều được khai phục nguyên tịch và về ở Kinh: Hương Sâm cũng trung phục hàm tước tử. Ngài từ Quảng Ngãi về chầu, được Vua Đồng-khánh ban khen và giao cho phê bình lập thơ « Ngực chử » và « định thần phụng họa ». Đến năm 1888 gặp lang vua Đồng-khánh, ngài đóng cửa không giao tiếp, một mình đưa thương. Năm 1889, Vua Thành-thái lên ngôi xưng ch. u cử bề tôi phụ chính. Ngài lại cả d. lớn, được sang Đệ nhĩ phụ chính thần thần kiêm là ón chánh và khai phục tước quận vương. P.đ. có triều hạ và có ban ho, đều được d. g. l. x. (sát) chứ không phải l. y. Năm 1894 được tấn phong tước vương, lúc ấy ngài 77 tuổi, lại sinh hạ lên lớn cháu, thế là ngũ đ. đồng đường, tức u. n. vui vẻ, người đem tri. t. l. là việc hay. Năm 1895 già quá xin từ chức, được Vua y cho, về ở nhà không được bao lâu thì mất, thọ 79 tuổi. Vua Thành-thái rất thương, cấp cho 1000 bạc, để sửa việc cho tên thụy là Đoan cung sai quan đến t. l. thêm 2000 bạc lập từ đường, trí h. bốn mươi m. m. công điền của làng Mộ. tại làm tư điền. ngài con gái 77 người, ph. nh. làm quan, có cả đồ cử nhân (Ung Phong) và đồ tá tại (Ung T. Đ. Nam liệt truyện nhĩ lập, q. 8, tờ 2 a đến 7 b,

25) Hải quốc công Miên Tăng (1828—1896) là con thứ bốn mươi hai Vua Minh-mạng. Năm 1846 được phong Hải-ninh quận công. Năm 1883, Vua Hiệp-hòa nối ngôi, quốc công được vua thăm tin, đến khi vua bị truất, quốc công sợ vua lấy, đem cả gia quyến xuống cửa Thuận đưa vào người Pháp, đến khi người Pháp trả lại, bị tội giáng làm Ký ngoại hầu, an trí ở Bình Định, năm 1885 được đưa về và phục tước quận công, đến năm 1896 tấn phong Hải quốc công, năm ấy mất, thọ 69 tuổi (Đại-Nam liệt truyện nhị tập, q. 7, tờ 4 b).

26) Hương Phì là con thứ hai của Tùng-thiên quận vương Miên Thâm, tập tước huyện công, làm quan đến Lại-bộ ta tham tri; năm 183 bị bọn quyền thần hãm hại. Đến năm 189 khai phục tham tri.

27) « Hòa lấy lửa thành » do câu « Thành chàng thất hỏa, hòa cấp tri ngư » nghĩa là « Trong thành bị cháy, tại vua lấy đèn ao ca », ý nói vô cớ mà bị tội lấy.

28) Câu : « Sự lo ai nấy giữ mình, ai làm nguy khổ oan lịnh mặc ai », bản nôm của Bắc-cổ phê của chữ nho rằng : « Nhân tình thế cô, tị tị giai thế » nghĩa là « Nhân tình thế thái, đều đều như thế ».

29) Pháp tiê là tiê của nước Pháp.

30) Cầm trấp là cầm bắt. Câu ấy nói phê năm chữ « Mặc cường ư nhân lâm » nghĩa là « chẳng gì mạnh hơn lòng người ».

31) Ý-chỉ là lời của mẹ Vua hoặc vợ vua. Cam ngùn là nơi ngọt. Câu ấy bản chữ nôm phê bốn chữ « Hà bất ư cai ? » nghĩa là « Sao không dùng oai ? ».

32) Hối hóa là của cải, tức tiền bạc.

33) Phì là heo gia là nhà, ích kỷ vì riêng cho mình; cả bốn chữ « Sốt thân mình được sung » nói bẻ. Tục ngữ có câu : « Thúi phì gia ».

Thọ xuân-vương Miên Định (386) là con thứ ba vua Minh-

Định quân là vua nhỏ, tức là vua Kiến phúc năm ấy mới 11 tuổi.

Nền học mới. . .

(Tiếp theo trang 11)

— Vào sơ tập trường Trung viết ít ra cũng phải 11 tuổi, tới 16 tuổi có thể thi bằng tốt nghiệp, Trường Đại Học. — Nhất danh là Đại-Việt học hiệu dạy các môn văn chương, khoa học, kỹ thuật bậc cao đẳng, sẽ mở ở các kinh thành Hà-nội, Thuận-hóa, Gia-định. — Hạn học từ 3 năm đến 5 năm tùy theo môn học. — Thuộc ngạch Đại Học có những viện khảo cứu (tâm-lý thực nghiệm, bách ngữ học...), những giảng đường do tư nhân sáng lập được chính phủ công nhận.

Ngoài ra có những trường chuyên nghệ (cơ khí thực hành, thủ mộc tập nghệ, vận tải công nghệ...) và chuyên nghiệp (sự phạm sĩ quan, y tá...)

Chương - trình

Đây tôi chỉ xin phác qua chương trình nền tiểu - việt và nền thiếu việt, xét những điều đại cương, nhất là chú ý đến quan điểm, cần phải sửa đổi cho thích hợp với thời mới, cho ăn ý với mục đích đã nêu ở trên.

Chương trình bậc học tiểu-việt. — Phải công nhận bốn hình thức của một nền giáo dục bình dân, vừa thiết thực, vừa hoàn bị.

Thờ dục — đức dục — trí dục — thủ công và canh nông thực hành.

Khoa thủ công gồm cả khoa dạy vẽ và dạy viết tập. — Khoa thờ dục kiêm cả sự dạy hát, cốt để gây lấy sự vui vẻ trong hoạt-dộng; sự hăng hái ganh đua.

Đức dục. — Nói về tu thân, về bổn phận đối với gia đình, xã hội là dạy cho trẻ trở nên một người con tốt, biết yêu quý gia

định, nhưng cũng nên dạy cho trẻ bỏ tính ỷ lại là cái thông bệnh của người Việt-nam. Nay đến lúc dạy cho thiếu niên Việt nam bài học tự cường tự lập, dạy cho họ biết khinh những đời sống tầm thường ỷ ỷ, yên ổn gói trong một tư tưởng cầu an, hạn định, cái tâm lý quá ư thủ cựu ấy, cái tâm lý của kẻ chỉ thích « giữ chỗ » ấy chính là, nếu tôi không lầm, kết quả của bao thế hệ đã nặng nề chịu giáo pháp của không ngoại. Trong các câu ca dao của ta, thiết tưởng không thiếu câu có hàm một ý niệm tự tin, một quyết định vui nhận bài học của mạo hiểm, của một cuộc đời rộng rãi đầy đủ, đầy đủ vì sống đến triệt — đề bởi sự thiếu thốn. Rất hùng là đời ma triết của những kẻ ba bản tay chẳng tự lập thân. — Vậy há tất phải lúc nào cũng học những bài học xử thế thụ động của kinh truyện Trung hòa? (1)

Về luân lý xã hội, thì có hai điều nên bỏ khuyết. Một, nói về vệ sinh chung, người dân ta hầu như chưa có một quan niệm rõ rệt về sự bảo chung. Những cái cầu thả trong sự ở chung sống cạnh thực trái với phương - pháp phòng bệnh là mục đích của khoa vệ sinh, nhà trường phải hết sức bài trừ. — Hai, nói về kỷ luật thì nên dạy cho trẻ hiểu sự tôn trọng kỷ luật theo một quan niệm tích cực. Ngày nay, cá nhân có một giá trị riêng, nên có nhiều dịp bày tỏ tư tưởng của mình, miễn là sự tự do ấy không làm hại đến quyền lợi, thanh giá của đoàn thể mà cũng không có ý khinh miệt một cá nhân nào. Vậy cái kỷ luật thụ động cùng với những cử chỉ không thực thà, nói mà chỉ mặt, mà gài tai không nên có nữa.

Nói về tổ - quốc là thiên chất của khoa luân lý ở trường tiểu học, nên dẫn cho trẻ biết rõ cái năng lực của Quốc gia Việt Nam qua lịch sử, nào sức quật - cường trong các thời kỳ ngoại xâm, nào sức phản động cải tạo những khi nội trị bị lung lay, — và cần nhất chứng thực các thành tích của mỗi giống đã vẻ vang tranh đấu trên Bán đảo. Đây đương nguyên do ở sự cần lao và đoàn kết.

Trí dục — Ở nền học tiểu Việt chưa cần dạy ngoại ngữ, nhưng cần dạy chữ Hán. Hoặc dạy thành bài, hoặc soạn một bài quốc văn mà dạy một vài danh từ thành ngữ bằng Hán văn.

Ở lớp cao đẳng khoa sử ký phải tham bác cả lược sử nước Ai Lao, và nước Cao Man, mà chúng kết phải phác qua các công cuộc nam tiến, tây tiến của quần chúng đại Việt.

Khoa địa dư thường dạy bị ảnh hưởng quá. Các danh từ địa lý thường thức hoặc chung cho cả Viễn đông, hoặc riêng cho các địa phương Việt - Nam, khác nào như phản ảnh của ảnh sắc xứ sở, thiếu lộ được cái kinh nghiệm xác thực của sự sống còn hàng ngày, nhà trường phải hết sức hoan nghênh. Những tiếng quen quen như đồng xứ, thổ ngoại, độc, chiêm, mùa, đông chi, xuân phân... là phải sưu tầm và định nghĩa cho hợp phép.

Chương trình nền học thêm Việt. Sinh ngoại ngữ chú ý đến các thổ âm ở Đông dương, cùng những tiếng Âu châu được thông dụng: (Nhật, Pháp, Anh, Tây ban nha...)

Âm - nhạc, mỹ - thuật. (vẽ nặn): dạy thực hành chưa đủ, phải lý-luận quá về cái tinh thần

nhạc nghệ và thủ nghệ của người Việt Nam xưa và nay và nền cực-lực tân dương sự thành công của thể hệ tài tử hiện-tại đủ tạo nên những mỹ phẩm xứng với sở học của mình.

Việt ngữ. — Người Việt đặt câu không giống như người Pháp nói và viết, người Việt không cần phải theo cú pháp ngoại dương mà phân tích các phần tử chủ đề, hành động.. Một sự la lung văn từ Việt Nam cũng vẫn tất, trừu tượng, súc-tích như văn từ la tinh. Vậy mang các giáo sư của ta, đã chịu rất nhiều ảnh hưởng của văn chương nước Pháp, nên cố mà thoát-ly cái ảnh hưởng hình thức của văn chương ấy, nghĩa là nên dạy nói và viết tiếng Việt Nam theo tinh thần cổ hủ của Việt ngữ.

Khoa học. — Nên bàn về việc dùng danh từ trong khi giảng dạy bằng quốc ngữ. Thay vào những danh từ Pháp lan, thường thì ta lấy danh từ Hán Việt sẵn có, là danh từ người Tàu người Nhật đã dùng. Tôi thiết tưởng nên dùng chữ Hán mà phiên âm danh từ ngoại quốc còn giữ được hình thức nguyên thủy (nghĩa là chưa bị pháp hoá) rồi chêm chước ít nhiều cho hợp với định nghĩa; như vậy hợp lý mà hiểu biết nhanh chóng hơn. Hoặc là ta lấy những tiếng rất thường của ta, mà dụng-ý ghép lại, cốt khi đọc lên các danh từ ấy hiểu lộ được đặc tính của một chất, một loại.

Như *désert* nay dịch là di - sa
steppa — ty-thảo-ba
pampa — băng-a
maltoze — đường-
mật (hoặc đường
mạch nha)
glucose: đường non
saccharose: đường già
mêtane: than khí iđô ao

Thảo mộc học. — Những cây cỏ nước ta nay phải sưu tầm và tra cứu các tiếng chỉ danh theo từng miền.

Địa dư và sử-ký. — Địa dư và sử ký nước nhà nên gồm làm một môn học, gọi là « quốc gia khoa học », vì lẽ rằng đó là môn học chuyên dạy tình yêu nước.

Thời khắc điệu

Những trường ấu Việt ở thôn quê nên cho nghỉ theo lệ tục từng phương, theo các công việc đồng áng như nỉn, vụ gặt, phải cần đóng cửa nhà trường độ mười lăm

Kết luận

Thời gian càng trôi chảy, trong tâm trí người Việt cái ý tưởng độc lập càng ngày càng củng cố. Cái ý tưởng ấy sinh ra biết bao mơ hi-vọng. Hi vọng, là tin ở tương lai nước nhà. Mà dự bị cho tương lai đó, cố nhiên là phải mau mau tìm phương cải tổ nền giáo dục.

KIM LUNG

tháng 6 năm Ất

1) Có một lần Không pha tử đến chữ cường. Nhưng ngài về cái cường của người phu nam, chưa đủ vậy. — Nhưng mạnh mẽ, cái quan niệm một kẻ trượng phu ngang tàng mới thấy rõ rệt vậy.

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

Số 2

TRÚC-KHÊ

Đó là lời kỷ thục vậy! Lại một hôm các quan phụng họa bài thơ « Sơn tự thiên chung » của vua, đến đêm ai nấy đều đang vào. Vua cười phán rằng :

— Thơ này bài nào cũng bị cái *thề cấm* (1) mớ bỏ buộc, nên không hay lắm, duy có hai bài của Vũ phạm Khải, và Vũ văn - Lý là khá hơn. Nhưng bài của Vũ phạm Khải, hai câu 5, 6, nên đổi làm hai câu 3, 4, Khải có chịu không? Dù vậy, cũng vào hạng xuất sắc hơn cả.

Năm thứ 6, ông được thăng lên Hàn-lâm-viện trực học - sĩ, sau lại chuyển làm Hình bộ Hữu Thị-lang, kế lại vào làm việc ở tòa Nội - các, vì trong các khi ấy ít người hiểu việc, một hôm vua hỏi ông những lối thơ tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu ngôn cùng các thể cách đã từng nghiên cứu rõ chưa. Ông thưa rằng :

— Thần chưa học thơ, bữa nọ phụng sắc kèm xét những thể cách của các nhà thơ lịch đại, hơi biết một vài chữ chưa thể hiểu biết hết được.

Ngài lại hỏi thơ có *thề cấm*, khởi từ bao giờ. Ông thưa rằng :

— Thề ấy do Âu - Dương Tu xướng lên rồi, Tô Đông pha họa theo; đời Thanh vua Càn-long hay dùng thể thơ này lắm.

Lại hỏi Tự - điển với Vận - phủ, hai bộ sách cùng làm ở đời Khang-hy, cớ sao bên trong lại khác, lấy không đồng-âm, nghĩa cũng khác. Thưa rằng :

— Hai bộ này làm ra, thành sách có trước có sau mà biên soạn không phải do tay một người, cho nên có sự không khớp nhau ấy.

Lại hỏi gần đây trăm có sai soạn bộ Vận-quy chẳng biết có sớm thành sách không. Thưa rằng :

— Vận-học mà đầy đủ không còn gì hơn sách Vận-phủ, đã có nguyên-bản tăng-bản, lại có nội

tăng, ngoại - tăng, cộng 103 quyển, 1 vạn hơn 8 nghìn tờ. Nay bộ Vận-quy làm ra, lại để bù vào chỗ không đủ của bộ Vận - phủ, thế thì tất phải trải lâu năm tháng, góp nhặt kiểm tìm, chưa dễ đã thành tựu ngay được.

Một hôm vua cùng các quan bàn về công nghiệp đời Trung-hưng, ngài hỏi rằng :

— Bộ Chính-biên độ - nhất kỷ được bao nhiêu quyển?

Ông thưa :

— Niên-hiệu Gia-long năm đầu trở về sau, trải 18 năm, trong khoảng đó phạm những đại-kinh đại-pháp đều có chữ nghĩa có thể tra-xét được; duy từ Tân-dậu (1801) trở về trước, đương hồi thảo-muội di-văn thiếu thốn mấy lần biên soạn, hiện thành dụng-bản được 60 quyển. Từ quyển 1 đến quyển 17, trong đã dâng lên ngự lãm, còn những quyển dưới, đã có lần đổi ơn xét định; nhưng còn muốn tìm rộng kiểm khắp, đề mong được thật đầy đủ rõ ràng, vì thế mà phải chậm trễ mãi, muốn đề chờ đợi.

Vua lại hỏi :

— Sông Hà nước trong có 2 thuyết. Sách Thập di Ký nói nghìn năm một lần trong, sách Khánh Thụy-đồ nói năm trăm năm một lần trong, vậy thuyết nào là phải ngày xưa ghi ngày tất lấy can chi phối hợp vào nhau, một đôi khi lại chỉ cử ra có một, có chữ rõ ràng ở đầu như thế không? Các ngày có 12 *trực*, phép ấy khởi có từ đời nào?

Ông thưa rằng :

— Sách về trăm nhà, thường khi sách này không đúng với sách khác. Cứ lấy kinh mà xét thì ông Mạnh tử có nói : « Năm trăm năm có bậc vương - giả dậy lên ». Nói về đạo thống của đế-

vương thì ông nói từ vua Nghiêu đến vua Thang, từ vua Thang đến vua Văn, từ vua Văn đến đức Khổng, đều cứ cách nhau 5 trăm năm cả. Trộm nghĩ như Khánh Thụy - đồ nói, có căn cứ hơn. Cách ghi năm tháng, gồm có cả can và chi, kinh Thượng-thư và kinh Xuân-thu đều như thế cả. Duy ở kinh Lễ-Ký, trong thiên Nguyệt-lệnh có nói: « Kỳ nhật giáp ất » ở Kinh thì, trong tập Tiểu-nhã có nói: « Cát nhật duy mậu », như vậy là chỉ ghi có can mà không có chi. Cái thuật 12 trực, không rõ khởi từ bao giờ, nhưng ở truyện Vương Mãng trong Hán-thư có nói: « Ngày mậu thìn trực định, lên ngôi chính thức. » Trộm ngờ phép ấy khởi có vào khoảng cuối Chu, và Tần, Hán.

Vua im lặng lúc lâu rồi nói:

— Khanh là một cái hòm sách chẳng? Sự đọc sách cần phải rộng rãi như vậy.

Năm thứ 7, ông vẫn cung chức ở nội các. Hiến tổ nhân khi nhân rồi, thường đêm ra ngự ở Đông các, ngự chỗ nên tiếng tập thơ *Tái thành phụ tướng, Tiên thiên hậu thiên*, sai ông và ông Nguyễn cửu Trường thân chép. Vua lại không theo cổ thể trong Kinh Thi, làm ra 9 bài thơ, sai ông cùng các quan trong Các chủ gãi. Chầu hầu nơi Cẩm Cạn lâu ngày, ông được nhà vua rất là yêu mến. Vua thường uỷ dụ rằng:

— Khanh hãy vì trẫm mà ở đây, đừng lo sự không được thăng bõ.

Một hôm ông vào tâu việc ở Tiềm điện, có vị công chúa nhỏ hầu hạ bên vua, vua đùa trở vào ông mà bảo:

— Ấy quan Thượng thư râu xồm của trẫm đấy.

Một lát, ngài lại gọi ông là Thượng thư râu xồm, tức là có ý bừa bộn đó. Các bạn đồng liệch bảo ông sao không sụp lạy để nhận lấy, ông nói:

— Chức quan Thượng thư tất phải do triều đình công tuyền, há nên do sự nói đùa mà được ư?

Chưa bao lâu thì vua Hiến tổ thăng bà.

Vua Dục Tôn lên ngôi, buổi đầu ngài còn kinh cần yên lặng, ông Khải từag tâu nên bày bàn bạc, có giúp ích nhiều cho chính sự, nên vua cũng đề ý yên vì. Một hôm ấy ông đốt sập ngồi đọc sách ở trong Các đẩu khuya, vua lên đến nhóm thấy than rằng:

— Lúc mình còn ở tiềm đề, tiếc không được một người như thế để làm thầy bạn.

Một hôm vào lúc canh một, có chỉ đặc triệu, vua gọi một trăm lạng bạc, châu phê rằng:

— « Nghe Khanh nghèo, trẫm cho để làm món phụng dưỡng rau cháo hai thân của Khanh trong một ngày ».

Ông sợ tãi lạy mà nhận lấy, trở ra nói rằng:

— Có sự sung quấy không thường thì tất cũng có cái tai ọa không thường.

Rồi đó quả nhiên ông Khải có nhiều người không ưa. Sở dĩ thế, chưa hẳn riêng vì có ông được nhà vua mến trọng về văn tài, lại vì tính ông quá thẳng nói năng chẳng chịu giữ lời, thường khi lại có vẻ kiêu ngông, thiếu sự nhẫn nại, nên đã khiến những người quyền yếu sinh ghét. Vua Dục Tôn lấy thế, đã từng có khi phải lấy lời răn bảo, nhưng tính quen của ông chưa thể mỗi chốc đã thay đổi đi được.

Ông Phan thanh Giản là người thi đỗ giáp khoa trước nhất ở Nam kỳ, thường được người ta khen là hiểu sáu sách Tả truyện nhưng ông nói:

— Tôi xem chữ chỉ, giống như người chưa đọc Tả truyện.

(Còn nữa)
TRUC-KH

1) Thể cảm là thể thơ ngắn cảm những chữ không được dùng. 2) Đông-phá ngạn làm quan Nhữ-âm, nhân có tuyết xuống, họp các bạn lại làm thơ, cảm dùng những chữ ngọc, ngạ, lệ, mai, lạp, nhá, bạch, vũ, nga, hạ, gọi là thể cảm. Sau Tổ Đông-phá ở Cảnh châu, nhân có tuyết được ứn nghiệm, cũng làm thể thơ ấy.

Cuộc đấu đỏi

VUA MINH-MỆNH ⁽¹⁾ VÀ

TRỊNH HOÀI ĐỨC ⁽²⁾

Vua nghe hải lòng, từ ngày ấy ra lệnh làm cho giáo dục được phổ thông, sắc cho bộ Lễ xét ngoài dân, nhà nào có nghĩa - phu tiết - phụ, hiếu-tử tử - tôn, thì tâu đề thưởng tứ bảng vàng, còn nhà nào vi lợi mà tương-tranh thì nghiêm trị theo pháp luật.

Trích thuật theo Minh-mệnh chính huấn và Tông Thiệu Vương. Tiền sử và Thi văn -

LONG ĐIỀN

(1) Vua Minh-Mệnh thọ 50 tuổi, tại vị 21 năm (1820-1840) húy là Đóm, có 78 Hoàng Nam, 64 hoàng nữ, là ông vua thứ hai đời nhà Nguyễn bây giờ.

(2) Trịnh Hoài Đức, chính tên là An, tự là Chi Sơn hiệu Cẩn Trai, Tở Tiên là người tỉnh Phúc Hiên bên Tàu tránh loạn Mãn châu sang ngụ tại Trấn Biên (Biên Hòa) ở Nam Kỳ, mồ côi cha từ 10 tuổi, bà mẹ cho theo học cụ Võ Trương Toàn, sau ra giúp chúa Nguyễn làm đến chức Cẩn chánh điện đại học sĩ, thọ 61 tuổi mất năm 1825.

CÙNG CÁC BẠN ĐỌC

Xin các bạn đọc nhớ trả ngay tiền báo để giúp tòa báo tiến hành mọi công việc trong lúc khó khăn này. Đa tạ.

TY TRỊ SỰ

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Dương

2\$00 một vé

Làm thế nào cho dân giàu, nước mạnh?



Q Ớ một hôm Trịnh Hoài Đức, quan thượng-thư bộ Hộ vào bệ - yết đức vua Minh-mệnh, nơi Tiễn-Điện (chỗ nhà riêng) có cả Hoàng thất Tử (con từ 10) đứng hầu.

Vua Minh mệnh ban:

— « Ta thương dân như con, song con trong nhà, ta bắt tập theo lễ phép thế này; còn ngoài dân, ta muốn khai hóa, dạy về đường thực-tế. Trày là người lịch lãm tất có nhiều phương lược giúp ta thế nào cho dân được giàu, cho nước được mạnh? »

Trịnh Hoài Đức tâu:

— « Theo Khổng Phu Tử, các vua đời xưa không lo dân không giàu, mà chỉ lo dân không yên. »

Ban: — Yên mà nghèo thì ương gì?

Tâu: — « Giàu mà không yên, dù có lúa đầy kho, cũng ụng ngồi mà ăn được. »

Ban: — « Bất hoạn bần nhĩ an bất an, lời ông Khổng dạy đúng, song sự không yên có phải tự giàu mà sinh ra đâu? »

Tâu: — « Không phải tự giàu, mà tự sự « muốn giàu. »

Ban: — Thế ta muốn dân giàu là ta « đem sự không yên đến cho dân hay sao? »

Trịnh Hoài Đức cúi đầu không tâu lại.

Vua Minh mệnh hỏi thế nào?

Trịnh Hoài Đức tâu:

— « Cả thiên hạ, có ai mà chẳng muốn giàu? người giàu muốn giàu thêm, người nghèo muốn nên giàu, tính tham dục tự nhiên đã có sẵn trong lòng; Cạnh tranh theo đồng tiền, trục lợi, đầu cơ, không còn biết lễ, nghĩa, liêm, sỉ, là gì? Người người đều như thế cả; dân càng giàu thì nước càng yếu. »

Ban: — « Vậy nên làm thế nào? »

Tâu: — « Dân đang còn ở thời kỳ thơ ấu, chẳng khác gì ông Hoàng tử đứng châu đầy, Hoàng Đế đã hương dân như con, chúng tôi đại nghĩ nên cho chung vào một nền giáo dục. Hoàng Đế dạy lễ-phép, là dạy những tư - cách làm người; bao giờ ngoài dân biết trọng những tư cách làm người, hơn những tư cách làm tiền, thì ngày ấy, nền trật tự vững vàng. Nền trật tự mà vững vàng là hạnh phúc chung, hạnh phúc của Hoàng Đế tạo cho; còn sự nghiệp giữa đời, chúng tôi tưởng nên để cho cá nhân, tự tạo lấy. »

Ta phải chống lại...

(Tiếp theo trang 6)

Ấm lên tờ giấy tán thưởng và cứ vẽ đuôi dầm dệp lên sàn đồ khen tài kếp hát! Sau cùng ta lại còn được nghe hai tiếng phụ Việt - Nam, có cái tên mỹ miều là: « Cây liễu dưới bóng trăng: (Sauter-sous la lune), và « Gái run của cành tre » (Frissen-de-Bambou) đưa võng ru con, hát một câu quá dở không biết thuộc về tiếng nước nào:

Ya a el dou, ya ta ol dou
và mấy anh lái thuyền ca bài
« Li-ou-le-sai » ả nào:

Oh! tcho.....tchong!

Oh! tcho.....tchong!...

Hơn thế nữa, trải qua các tác phẩm của một số nhà văn thiếu lương-tâm, chúng ta đã bị họ mô-tả như một giống người dã-mạn, có phong-tục, tập-quán mọi-rợ, có cái tâm-lý của người mac-di.

Một nhà da-lịch pháp quả-quyết rằng người Việt Nam muốn tổ lòng kính trọng có lối thờ khời thờ là vào mặt nhau; những lúc làm lễ tương-kiến, họ ôm lấy nhau mũi cọ vào mũi, hít thật mạnh. Và đây là tục cưới xin: « Có dâu chít rễ ném từng nắm gạo vào mặt nhau, cả bỏ rap xuống đất (?) », vắt lấy nhau để tổ ý khưất phục (?) » (Petites épouses: Myram Harry). Còn về tục lệ đám ma, thì theo Louis Reunat trong quyển « Journal de Tien » đã nói ở trên, « tang-gia đánh trống để tổ sự vui mừng và đau đớn » (! ?) (On bat le tam-tam en signe de réjouissance et de deuil) — Và các bạn có biết tại sao dân quê Việt Nam xưa kia lại sợ người Pháp không? Emile Nelly và nhiều « nhà văn » nữa nói đây là vì « dân bản xứ » tin rằng « người Pháp có hai con mắt xanh lò, và mỗi khi tôi thổi thà như mũi xắc chết »!

Năm nào, báo Gringoire bên

Pháp có đăng mấy bài khảo cứu (!) về Đông-dương: Người Việt Nam, dưới mắt tác giả; là một giống hoang-dâm ghê-tởn: « một khi bị các vật thú-giục, là họ hóa ra những quỉ-nợ không sao kiềm chế rồi, những con thú trong thời kỳ động nung » (Ils deviennent des sauvages déchâtrés, des bêtes en vent des qu'intervien en eux le désir amoureux). Theo René Th mmv, tác-giả thời phong-sự « La magie aux colonies », có rất nhiều nhà người dân bà Việt Nam phải kông không đã được trong n'ông thú phong-thu: những ngày mừng một, rằm, và 29 mỗi tháng, nhữg hôm lần li h không phải bộ (?), và mỗi lần họ đã nhỡ ăn phải, tôi hay phải thành! « Nhưng, mà không can gì — tác giả viết nốt. — người An-nam có nhiều thứ thuốc «rang dương cực kỳ mạnh-lợi, những món ăn lạ-lùng, khiến cho họ lại khoẻ-khoắn như thường sau một đêm trác táng, và lại... sẵn sàng để « làm việc » hàng-hái bằng năm bằng mười hôm trước »

Đấy, bọn nhà văn pháp đã cố ý lừa dối công-chúng như thế đó! Những ai chưa bao giờ có dịp sang du-lịch bên Viễn-dông để bị thứ văn-thương vu-cáo ấy huỷ-hoặc và sẵn sàng để tưởng-tượng rằng người mình cũng dã-mạn như các dân-tộc bên châu Phi. Vì vậy, phần đông dân Pháp bốn bảy mươi năm giới sau khi họ sang « khai-hóa » nước này — vẫn tự hỏi màu da người Việt Nam thế nào, chúng ta có ăn thịt người không? Ngay thơ thay nhờ tuyên-bố của giáo-sư pháp họ trước mặt đám s'nh-viên Việt-Nam, k'ông ta mới hươc chôn lên đất Đông-Dương: Ông ta nói lấy làm sung sướng và vui sướng được tiếp xúc với một bọn thiếu-

niên anh-tuấn, vì trước khi sang đây, giáo-sư cứ tưởng-tượng sẽ « rơi » vào một đám mọi đang nhầy nhụa hồ bết chung quanh đồng lửa thiêu thân-thể một người da trắng!

Như thế, ta không còn lấy làm lạ nữa khi ta thấy nhiều nhà xã-hội học trong đó có Levy Bruhl — theo lời hạn Đĩnh gia Trình trong một số Thanh nghị — đã có khi l'ợi người Đông-dương vào hàng n'ông dân-tộc ăn t'ỉ, có tâm-tạng cở lỗ. Và trong khi bày tỏ rằng các dân tộc sơ khai ấy không nhận rõ được đủ các màu, Cuvillier, và mấy nhà triết học nữa, mang người mình ra làm thí dụ: Người An-nam ông, ta viết chỉ trông rõ những màu trắng, đen, vàng, đỏ thối », nghĩa là họ bảo chúng ta không nhận rõ được màu xanh, màu tím, màu nâu chẳng hạn!

Bây giờ đến lượt những nhời phán-đán lều-lĩnh, lẩn-sưng, nhiều khi có tính-cách một câu lẩn-mạ:

Jaques Mory trong quyển « Caver es » đã dám bảo dân-tộc Việt-nam là « một giống người nó lệ, một đám quỉ-nợ xuẩn-ngốc, vô tư cách, bao giờ cũng sẵn sàng để mớ n'ôi loạn, và chạy trốn thoát thân » (une race d'esclaves, une foule inop'ie toujours prête à la révolte et à la déroute). Claude Fa rère đã tìm được một định nghĩa không thể văn từ và gọn-gàng hơn để phán-đoán bà dân-tộc văn-mnh nhất Viễn-Dông: « Người Nhật - Bán giết người, người Trung hoa ăn cắp, người Việt-Nam thì vừa ăn cắp vừa giết người » (le Japonais est assassin, le Chinois voleur, l'Annamite est l'un et l'autre). Một tên khác, P. Bonne-

tain trong quyển « Au Tonkin », còn đi xa hơn nữa. Bản báo : « Nhút nhát, bần thiêu, hay ăn cắp, và giáo-quyết », đây là tính-tình người an-nam » ! (Couard, sale, voleur e fainéant, tel est l'Annamite). Và ông Thượng-Chi trong một bài báo đăng ở Nam Phụng nam 1921 kể rằng : một ông đồ tây ở Hà Nội làm bộ sách tập đọc cho học trò trường P. P. - Việt trong sách có một bài nói về tính xấu người An-nam, từ đầu đến cuối toàn là một giọng tuồng-mà : « Người An-nam gian-trá, biếng-lười, hay nói dối, hay ăn cắp, hay lừa thầy, hay phản chủ, v. v. », cứ thế suốt một trang ! Bài đó là bài dạy về « hình dung từ » (adjectifs) : các câu học trò ta nhớ tiền sinh bữa ấy học được một mớ adjectifs hay... ».

Một buổi hát làm phúc :



HẠNH SÔNG Ô

Vở kịch tuyệt hay nay của ban TÔ - NHƯ, đến tối 15 - 8 - 45, sẽ đem đặc diễn tại rạp Hàng Bạc để lấy tiền giúp đoàn Thanh niên Thị-Cấm (Phượng-Cánh Hoài đức) lập sân vận-động. Vé bán tại 97 Hàng Gai, 29 Hàng Thiếc và 196 Hàng Bông



Cái lối phản đoán ấy chính là cái lối « vơ đũa cả nắm » giống như chuyện anh chàng người anh họ vừa chân ướt chân ráo tới Ca-las thì gặp ngay một chị đàn bà có bộ tóc đỏ hoe. Thế là anh chàng mồm úi-lấy sỗ tay, trịnh-trọng ghi ngay điều nhận xét đầu tiên của mình trên đất Pháp : « Người đàn bà này tóc đỏ hoe » ! Nhiều « nhà văn thuộc địa » cũng mắc phải cái tật ấy. Thế này người đàn bà nhà quê cần rặt chấy, là họ bảo tất cả đàn bà An-nam hay ăn chấy rệp. Bất gặp anh bếp ở nhà đang « lăn bột lên ngược » để nặn bánh (?), Jean-ne Leuba bảo ngay là người Việt-Nam vẫn quen ăn bần. Và không biết hẳn có bằm thù riêng gì phụ nữ Việt-nam, mà mọi đêm ấy lại hẳn học gọi những « đàn bà bản xứ » là « đàn khỉ cái da vàng mồm đỏ trông cổ đặc sục vật » ! Thật là liều lĩnh và hỗn sược, các Thiếu nữ « xinh-như-mộng » của ta nghĩ sao ?

Chính một vài nhà văn pháp đã phải lên tiếng phản - đối lối bình phẩm mờ-mờ đó. Louis Malleret đã viết trong cuốn : « L'exotisme indochinois dans la littérature coloniale » : « Phần nhiều những « nhà văn đóng dương » chỉ được biết người bản xứ qua lối « bôi » của họ thôi. Vì thế họ cứ nhắc đi nhắc lại về sự vô ơn, tính quý-quyết, lừa lọc, man trá, và lòng tham lam của người Việt-Nam. Và trong hầu hết các tác-phẩm của A de Pourville, ta đều thấy nói đến tính dối trá, ngấm ngấm của dân tộc ấy ».

(Còn nữa)
VŨ-BỘI-LIÊU

GÓP VUI SĨ

Nhất đến thế là cùng

Hơn 60 năm Pháp thuộc, bọn thực dân Pháp đã kéo dờ tằm lỵ người mình, lỵệp nên một bọn quá ư khốn nạn.

Bọn ấy chẳng hề nghĩ gì đến sự trị chúa trạch dân mà chỉ nghĩ sao cho nhà cửa được giàu sang, con cháu được sung sướng, đến nỗi xụp quyền quý, cúi đầu thồn sấu mà được vinh hiển cũng vuơn làm.

Họ lại kèn nhất đến nỗi họ không giám nghĩ đến chính trị nữa ! Đã không giám nghĩ thì chớ, nếu bố mẹ họ, anh em họ hay bạn hữu họ có bàn đến chính trị, họ cũng không giám đề cập đến.

Một vị quan kia có người bạn chỉ thảo, thảo đến nỗi từ việc tìm thầy, tới việc đi hỏi vợ, người bạn ấy phải gánh vác cả. Lúc vị ấy còn là tri-phủ, người bạn đưa mừng một đôi câu đối, thấy hi hửng treo ở nhà. Mấy năm sau, người bạn kia đã có tai tiếng là « làm chính trị » thì không hễ sao đôi câu đối kia tự nhiên không cánh mà bay đi mất. Có gì đâu, quan ngại sợ, sợ quan trên có đến, thấy đôi câu đối hỏi sao lại quen người này chẳng ? nên phải cất đi.

Kịp khi người bạn ấy mất, quan ngại đã là tổng đốc về tri-sĩ, tuy gặp lúc nước nhà được giải phóng, vậy mà quan ngại cũng không dám đến chia buồn với gia quyến người bạn đã có công tác thành cho mình, thì ra quan ngại sợ nay mai « tây nó » trở lại thì mấy đứa con mình sẽ mất ngôi tri-huyện cùng chủ sự ! Ôi sao lại có một vị quan hòa nhất đến thế là cùng !

B. N

TẠP-CHI VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng

Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hano